



Thứ tư, ngày 9 tháng 1 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tín hiệu tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/1/2019		•	
Tuần 7/1-11/1/2019		•	
Tháng 1/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng mạnh trong phiên sáng, đã tăng được cải thiện trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BID (+1.05 điểm); VRE (+1.04 điểm); VNM (+1.02 điểm); GAS (+0.94 điểm); VCB (+0.89 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm YEG (-0.16 điểm); HNG (-0.07 điểm); FRT (-0.02 điểm); KBC (-0.02 điểm); VND (-0.02 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thép và ngân hàng, thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2141.3 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 8.64 điểm. Thị trường có 176 mã tăng và 100 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 9.55 điểm, đóng cửa tại 896.99 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.87 điểm lên 102.13 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 32.32 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VRE (40.62 tỷ), VNM (35.02 tỷ) và CTD (31.38 tỷ). Cùng lúc đó, họ mua ròng 25.05 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng mạnh với sắc xanh chiếm ưu thế trên cả 3 sàn. Thị trường trong phiên chiều vận động giằng co khi lực bán tăng ở các mã VIC, VJC, NVL, VCB, HPG, CTG, VNM và MBB khiến đà tăng của các mã này bị thu hẹp. Tuy nhiên về cuối phiên lực mua lại chiếm ưu thế khiến chỉ số có mức tăng nhẹ so với phiên sáng. Khối ngoại mua ròng nhẹ và thanh khoản vẫn ở mức thấp trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường đã có phiên tăng tích cực sau khi tâm lý nhà đầu tư trong nước và thế giới đón nhận những tín hiệu tích cực từ cuộc đàm phán thương mại Trung-Mỹ và giá dầu tiếp tục đà hồi phục. BSC dự báo khả năng thị trường sẽ vượt mốc 900 điểm trong phiên hôm sau với thanh khoản được cải thiện do những bước tiến tích cực từ cuộc đàm phán thương mại giữ Trung-Mỹ cuối ngày hôm nay.

Thêm PVD vào danh mục ngắn hạn.

Phân tích kỹ thuật:

VRE_Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

896.99

Giá trị: 2140.37 tỷ

9.55 (1.08%)

Khối ngoại (ròng): 32.32 tỷ

HNX-INDEX

102.13

Giá trị: 353.44 tỷ

0.86 (0.85%)

Khối ngoại (ròng): 25.05 tỷ

UPCOM-INDEX

53.01

Giá trị: 189.38 tỷ

0.46 (0.88%)

Khối ngoại (ròng): -6.4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	50.9	2.33%
Giá vàng	1,282	-0.28%
Tỷ giá USD/VND	23,196	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,586	0.17%
Tỷ giá JPY/VND	21,292	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	40.6	NVL	50.2
CTD	31.4	VJC	37.8
TPB	23.6	VIC	29.6
BID	15.7	KBC	7.9
KDH	10.8	VND	7.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Danh mục khuyến nghị

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

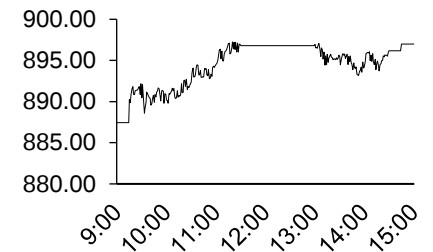
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

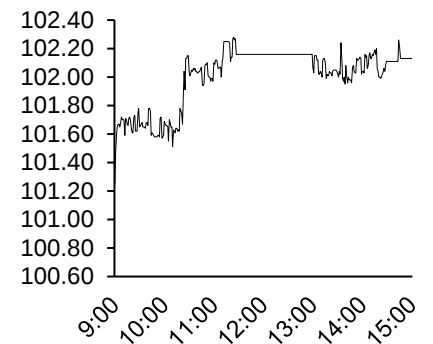
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1901	847.5	0.8%	-7.0%
VN30F1903	846.4	0.7%	-15.0%
VN30F1906	846.9	0.7%	194.7%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	29	5.3	2.4
VNM	132	1.5	1.4
HPG	30	2.3	1.3
MBB	19	2.7	0.9
MWG	85	1.7	0.6

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	79	0	0.0
SAB	244	0	0.0
VJC	115	0	0.0
VPB	19	0	0.0
CTD	160	0	0.0

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
ROS	5.4	36.0	35	44	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	4.9	19.4	18	23	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	4.7	18.4	18	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PVS	3.6	18.4	16	19	MUA	Giảm giá kéo dài
VNM	3.6	131.9	120	135	MUA	Tăng giá kéo dài
TCB	3.6	25.8	23	29	MUA	Giảm giá kéo dài
VIC	2.9	101.5	95	104	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
VJC	2.8	115.0	114	134	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
ACB	2.8	29.0	26	31	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VCB	2.8	55.8	51	58	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn

Phân tích kỹ thuật

VRE_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD đảo chiều đi lên
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI hồi phục từ vùng quá bán.
- Đường MA: 3 đường MA đều trong đà giảm, MA20 cắt xuống MA50.

Nhận định: VRE xác lập ngưỡng đáy tại vùng giá 26.80 sau giai đoạn điều chỉnh dài hạn từ đầu năm. Thanh khoản cổ phiếu hiện tại đang ở mức trung bình 20 phiên, chưa có tín hiệu đột phá mạnh. Tuy nhiên, bước giá tăng cao đồng thuận với đà tăng thanh khoản sau khi trở lại vùng giá hỗ trợ 28. Chỉ RSI và chỉ số MACD đều báo hiệu tín hiệu hồi phục nhẹ. Vận động của 3 đường MA vẫn nằm trong xu hướng giảm. Như vậy, VRE sẽ tích lũy quanh ngưỡng giá 28 một vài phiên trước khi kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 32.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	30.60	-6.4%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.60	7.9%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	60.00	-6.3%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	15.50	0.0%	14.3	17.8
Trung bình					-1.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	44.00	5.0%	39.8	50.3
2	CTD	25/12/2018	157.6	160.00	1.5%	149.7	189.1
Trung bình					3.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	25.8	-4.1%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.0	2.6%	14.4	18.7
Trung bình					-0.8%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.4	1.7%	0.7	1,645	1.6	6,481	13.2	4.5	49.0%	41.2%
PNJ	Bán lẻ	91.5	0.5%	1.0	664	0.7	5,428	16.9	4.4	49.0%	30.0%
BVH	Bảo hiểm	89.0	0.9%	1.3	2,712	0.4	1,728	51.5	4.3	24.8%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	32.2	0.6%	0.8	324	0.1	2,265	14.2	1.1	43.9%	7.8%
VIC	Bất động sản	101.5	0.5%	1.0	14,085	2.9	1,366	74.3	5.9	9.3%	10.3%
VRE	Bất động sản	29.1	5.3%	1.1	2,941	2.7	646	45.0	2.6	31.4%	5.7%
NVL	Bất động sản	58.8	1.9%	0.8	2,379	2.8	2,368	24.8	3.1	7.3%	14.2%
REE	Bất động sản	30.6	2.0%	1.1	413	0.3	5,068	6.0	1.1	49.0%	19.1%
DXG	Bất động sản	23.6	4.9%	1.5	359	1.2	3,042	7.8	1.8	48.2%	25.9%
SSI	Chứng khoán	25.8	0.2%	1.3	570	1.9	2,899	8.9	1.4	58.9%	15.8%
VCI	Chứng khoán	38.9	-0.3%	1.0	276	0.3	4,289	9.1	2.1	41.3%	30.5%
HCM	Chứng khoán	44.0	-1.3%	1.4	248	0.5	6,094	7.2	1.9	61.4%	27.8%
FPT	Công nghệ	42.4	1.0%	0.9	1,131	0.6	5,322	8.0	2.2	49.0%	28.9%
FOX	Công nghệ	48.0	-0.2%	0.4	472	0.0	3,453	13.9	3.6	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	89.9	1.8%	1.5	7,481	2.0	6,473	13.9	4.0	3.4%	30.6%
PLX	Dầu khí	54.2	0.2%	1.5	2,731	0.8	3,285	16.5	3.2	10.9%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.4	2.8%	1.7	382	3.6	1,747	10.5	0.8	20.6%	7.8%
BSR	Dầu khí	13.5	2.3%	0.8	1,820	0.8	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
DHG	Dược	75.5	0.9%	0.5	429	0.3	4,037	18.7	3.4	49.0%	18.3%
DPM	Hóa chất	21.4	0.2%	0.8	364	0.2	1,492	14.3	1.0	21.6%	8.1%
DCM	Hóa chất	9.8	0.2%	0.7	226	0.2	997	9.8	0.8	4.0%	8.6%
VCB	Ngân hàng	55.8	1.5%	1.3	8,728	2.8	3,360	16.6	3.3	20.8%	20.9%
BID	Ngân hàng	33.0	3.1%	1.6	4,905	1.5	2,401	13.7	2.2	3.1%	17.4%
CTG	Ngân hàng	18.4	2.5%	1.7	2,971	4.7	2,064	8.9	1.0	29.5%	11.7%
VPB	Ngân hàng	19.2	0.0%	1.2	2,046	1.7	2,820	6.8	1.6	23.2%	26.9%
MBB	Ngân hàng	19.4	2.7%	1.3	1,818	4.9	2,366	8.2	1.3	20.0%	17.4%
ACB	Ngân hàng	29.0	1.8%	1.2	1,573	2.8	3,498	8.3	1.9	34.3%	25.0%
BMP	Nhựa	50.1	2.0%	0.9	178	0.1	5,586	9.0	1.6	76.7%	18.5%
NTP	Nhựa	41.0	-3.5%	0.4	159	0.0	3,938	10.4	1.7	23.0%	16.6%
MSR	Tài nguyên	18.1	0.6%	1.2	708	0.0	229	79.1	1.4	2.1%	1.8%
HPG	Thép	29.5	2.3%	1.0	2,724	2.4	4,334	6.8	1.6	39.0%	26.7%
HSG	Thép	6.7	4.0%	1.5	112	0.7	1,065	6.3	0.5	15.8%	8.0%
VNM	Tiêu dùng	131.9	1.5%	0.7	9,987	3.6	4,997	26.4	9.0	59.3%	35.2%
SAB	Tiêu dùng	244.0	0.0%	0.8	6,803	0.3	6,902	35.3	9.4	9.8%	28.5%
MSN	Tiêu dùng	79.0	0.0%	1.2	3,995	1.2	5,416	14.6	4.7	40.3%	30.9%
SBT	Tiêu dùng	20.4	0.5%	0.6	439	0.9	869	23.5	1.7	11.1%	11.3%
ACV	Vận tải	88.0	0.2%	0.8	8,330	0.2	1,883	46.7	7.0	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	115.0	0.0%	1.1	2,708	2.8	9,463	12.2	5.9	23.2%	67.1%
HVN	Vận tải	37.0	4.2%	1.7	1,975	2.7	1,727	21.4	3.0	9.4%	14.6%
GMD	Vận tải	25.9	1.0%	0.9	334	0.3	6,311	4.1	1.3	49.0%	30.8%
PVT	Vận tải	16.1	0.9%	0.7	196	0.2	2,165	7.4	1.2	33.3%	16.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.5	-2.0%	1.0	440	0.4	5,620	11.5	3.7	2.5%	43.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.9	-0.6%	0.9	349	1.0	1,179	15.2	1.3	24.6%	8.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	0.7%	0.8	226	0.0	1,599	8.5	1.0	5.6%	12.2%
CTD	Xây dựng	160.0	0.1%	0.8	544	1.3	20,202	7.9	1.5	46.4%	21.1%
VCG	Xây dựng	22.7	-1.3%	1.2	436	2.1	2,384	9.5	1.5	0.0%	17.6%
CII	Xây dựng	25.1	2.4%	0.6	270	0.5	332	75.5	1.2	56.1%	1.7%
POW	Điện	16.0	0.0%	0.6	1,629	4.5	1,026	15.6	1.4	73.0%	9.1%
NT2	Điện	26.2	2.7%	0.6	328	0.5	2,874	9.1	2.0	21.8%	19.8%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	33.00	3.13	1.06	1.08MLN
VRE	29.05	5.25	1.05	2.14MLN
VNM	131.90	1.46	1.03	636050.00
GAS	89.90	1.81	0.95	515500.00
VCB	55.80	1.45	0.89	1.14MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	232.60	-6.92	-0.17	22400.00
HNG	14.80	-1.99	-0.07	364010.00
FRT	70.30	-1.95	-0.03	64920.00
KBC	13.70	-1.44	-0.03	3.09MLN
VND	16.40	-2.38	-0.03	767570.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDI	7.66	6.98	0.03	1.81MLN
SRC	17.70	6.95	0.01	321050.00
VPS	10.65	6.93	0.01	1170.00
APC	32.65	6.87	0.01	33650.00
RIC	6.25	6.84	0.00	50.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KMR	3.06	-6.99	0.00	440500.00
SJF	5.62	-6.95	-0.01	28090.00
TIE	6.58	-6.93	0.00	10.00
YEG	232.60	-6.92	-0.17	22400.00
SVT	6.88	-6.90	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.00	1.75	0.63	2.20MLN
SHB	7.20	2.86	0.21	3.39MLN
PVS	18.40	2.79	0.12	4.56MLN
CEO	13.20	3.94	0.05	974700.00
DBC	22.30	1.36	0.02	20900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	64.50	-1.98	-0.04	154900.00
NTP	41.00	-3.53	-0.04	2000.00
S99	7.40	-6.33	-0.02	7800.00
VGC	17.90	-0.56	-0.02	1.22MLN
HUT	3.70	-2.63	-0.02	1.53MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

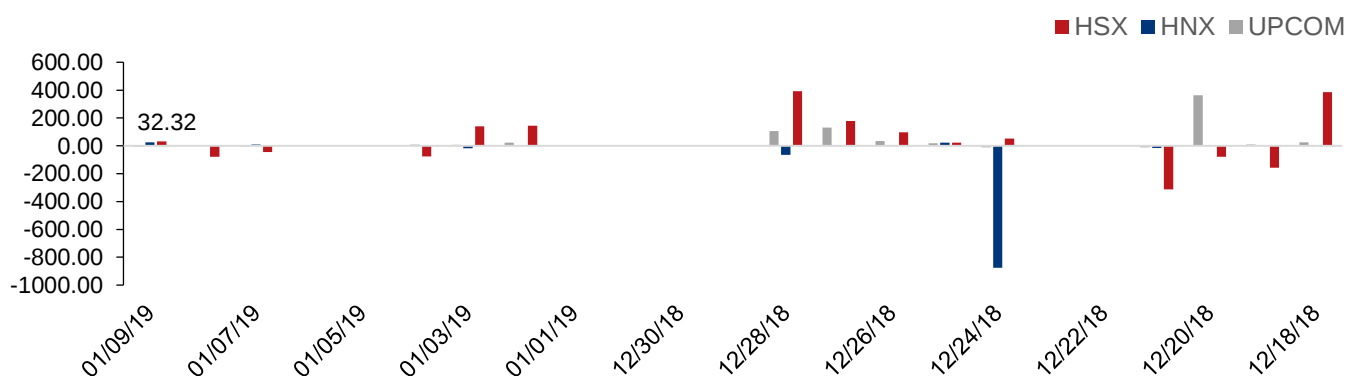
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	27.20	9.68	0.01	100.00
ECI	20.50	9.63	0.00	100.00
TV3	40.00	9.59	0.01	1100.00
SDU	9.30	9.41	0.00	3200.00
APP	6.00	9.09	0.00	2100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	-0.01	326400.00
NHP	0.70	-12.50	0.00	109000.00
DCS	0.80	-11.11	-0.01	22800.00
HKB	0.80	-11.11	0.00	70800.00
KTT	3.60	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
###	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
###	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
###	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.7	157	93.5	1.3	Click	
###	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.2	2,874	9.1	2.0	Click	
###	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.6	1,102	13.2	1.2	Click	
###	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.9	-2,092	#N/A	2.1	Click	
###	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.0	3,498	8.3	1.9	Click	
###	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.8	5,746	7.1	1.3	Click	
###	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.4	1,087	14.1	1.3	Click	
###	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.1	2,165	7.4	1.2	Click	
###	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	29.5	4,334	6.8	1.6	Click	
###	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	23.6	3,042	7.8	1.8	Click	
###	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.7	3,200	5.2	1.1	Click	
###	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	29.4	5,796	5.1	1.6	Click	
###	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.4	5,322	8.0	2.2	Click	
###	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	55.8	3,360	16.6	3.3	Click	
###	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.4	1,747	10.5	0.8	Click	
###	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	19.4	2,366	8.2	1.3	Click	
###	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	160.0	20,202	7.9	1.5	Click	
###	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	4.7	-370	#N/A	0.3	Click	
###	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	82.1	18,132	4.5	1.3	Click	
###	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	91.5	5,428	16.9	4.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

